

Huế, ngày 23 tháng 06 năm 2025

Số: 21/TCG-KK

BÁO CÁO LẬP HỒ SƠ MỜI THẦU

Gói thầu: Mua phương tiện thu gom vận chuyển rác

Dự toán: Mua phương tiện chuyên dùng cuốn ép rác đa năng năm 2025

Kính gửi: Công ty TNHH Tư Vấn Đấu thầu Xây lắp KK

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
- Bên mời thầu: Công ty TNHH Tư Vấn Đấu thầu Xây lắp KK
- Dự toán: Mua phương tiện chuyên dùng cuốn ép rác đa năng năm 2025
- Gói thầu: Mua phương tiện thu gom vận chuyển rác
- Số KHLCNT: ..*P.L.25.001.5.27.42*

2. Tổ chuyên gia:

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được Công ty TNHH Tư Vấn Đấu thầu Xây lắp KK thành lập theo Quyết định số 23/QĐ-KK ngày 20/06/2025 để thực hiện lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu: Mua phương tiện thu gom vận chuyển rác.

Căn cứ hợp đồng 23/2025/HĐ LCNT ngày 20 tháng 06 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế và Công ty TNHH Tư Vấn Đấu thầu Xây lắp KK về việc thuê lập HSMT, E-HSMT gói thầu Mua phương tiện thu gom vận chuyển rác.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

Bảng số 01

Stt	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
-----	-----------	-------------------------------------	--

1	Trần Phước Hải	Tổ trưởng	Phân công, Lập HSMT và Chấm thầu
2	Lê Nguyễn Quang Duy	Thành viên	Lập HSMT và Chấm thầu

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia làm việc theo nhóm tập trung tại trụ sở Công ty. Nếu một thành viên chấm thầu có kết quả khác so với các thành viên còn lại thì cần thảo luận với các thành viên còn lại để đưa ra quyết định cuối cùng.

II. NỘI DUNG E-HSMT:

1. Quy mô của gói thầu:

Thông số kỹ thuật		
TT	Hạng mục	Mô tả
I	GIỚI THIỆU CHUNG	
1	Hàng hóa	Xe ô tô cuốn ép chở rác đa năng dung tích 22 m ³
2	Xuất xứ xe cơ sở	Sản xuất tại Châu Á hoặc tương đương
3	Năm sản xuất	Có giấy chứng nhận xuất xưởng đối với xe ô tô chở rác năm 2025 trở về sau
4	Chất lượng	Mới 100%
II	THÔNG SỐ CHÍNH	
1	Kích thước xe chở rác	
1.1	Kích thước tổng thể	
	-Chiều dài (L)	9.545 mm (± 100 mm)
	-Chiều rộng (R)	2.500 mm
	-Chiều cao (C)	3.670 mm (±100 mm)
1.2	Chiều dài cơ sở	4.350 + 1.350 mm (± 100 mm)
1.3	Khả năng vượt dốc	37,4 % (± 3 %)
2	Trọng lượng xe chở rác	
2.1	Tự trọng	13.670 kg (± 300 kg)
2.2	Tải trọng cho phép chở	10.000 kg (± 300 kg)
2.3	Tổng tải trọng cho phép	24.000 kg (± 300 kg)
2.4	Số người trên cabin	02 người (130 kg)
3	Xe cơ sở (sát-xi)	

Thông số kỹ thuật		
TT	Hạng mục	Mô tả
3.1	Tiêu chuẩn chất lượng	Đạt tiêu chuẩn chất lượng
3.2	Công thức bánh xe	6x4
3.3	Động cơ	
3.3.1	- Tiêu chuẩn khí thải	Tiêu chuẩn khí thải Euro 5 trở lên– Đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo quy định hiện hành của Cục đăng kiểm Việt Nam về tiêu chuẩn khí thải đối với các xe Tải được phép lưu hành tại Việt Nam
3.3.2	- Loại động cơ	Diesel, 4 kỳ, 6 xylanh thẳng hàng, tăng áp, làm mát bằng nước, phun nhiên liệu điện tử
3.3.3	- Dung tích xylanh	≥ 7.520 cc
3.3.4	- Công suất lớn nhất (ISO NET)	≥199w / 2.300 vòng/phút
3.3.5	- Momen xoắn cực đại (ISO NET)	≥1100 N.m / 1.300-1.600 vòng/phút
3.4	Ly hợp	Ma sát thủy lực, trợ lực khí nén
3.5	Hộp số	9 số tiến, 1 số lùi
3.6	Hệ thống lái	Trục vít ê cu bi, cơ khí trợ lực thủy lực
3.7	Hệ thống phanh	
3.7.1	- Phanh chính	Tang trống, khí nén 2 dòng
3.7.2	- Phanh đỗ	Kiểu khí nén tới bầu tích năng
3.8	Hệ thống treo	
3.8.1	- Trục 1	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực
3.8.2	- Trục 2	Phụ thuộc, nhíp lá
3.8.3	- Trục 3	Phụ thuộc, nhíp lá
3.9	Thùng nhiên liệu	≥250 lít
3.10	Lốp	
3.10.1	- Loại lốp	11.00R-20
3.10.2	- Cầu I/II/III	Đơn/kép/kép
3.11	Cabin	Khung xe chịu lực, cabin lật
3.11.1	- Kiểu	Lật
3.11.2	- Hệ thống giảm chấn	Kiểu lật với cơ cấu thanh xoắn có giảm chấn
4	Hệ thống chuyên dùng	

Thông số kỹ thuật		
TT	Hạng mục	Mô tả
4.1	Tổng thể tích thùng chứa	$\geq 22 \text{ m}^3$
4.2	Thể tích chứa rác	$\geq 20 \text{ m}^3$
4.3	Thùng chính	
4.3.1	- Hình dạng thùng	Hình trụ vát 4 mặt cong tron. Thân sau vát chéo hình thang Xương bằng Thép Q235 hoặc tương đương , dày 3 ÷ 6 mm, chạy dọc các góc và trên nóc thùng tăng cứng cho thùng chứa
4.3.2	- Vật liệu sàn thùng	Thép chất lượng cao Perform 700 hoặc tương đương dày 4mm
4.3.3	- Vật liệu thành thùng	Thép chất lượng cao Perform 700 hoặc tương đương dày 4mm.
4.3.4	- Vật liệu nóc thùng	Thép chất lượng cao Perform 700 hoặc tương đương dày 3 mm.
4.3.5	- Vật liệu khung ray trượt cho bàn đẩy xả rác	Thép tấm Q235 hoặc tương đương dập hình, dày 6mm.
4.3.6	- Vật liệu chassi phụ	Thép tấm Q235 hoặc tương đương dập hình, dày 6-8mm.
4.4	Bàn đẩy xả rác	
4.4.1	- Vật liệu mặt bàn đẩy xả rác	Thép Inox 430 hoặc tương đương, dày 3mm.
4.4.2	- Vật liệu khung xương bàn đẩy xả rác	Thép tấm Q235 hoặc tương đương dập hình, dày 4-6mm.
4.4.3	Liên kết thùng chính với xe cơ sở:	Liên kết bằng các mối ghép linh hoạt giúp chống được lực trượt dọc và tránh vặn xoắn sát xi xe cơ sở
4.5	Thân Sau	
4.5.1	- Thể tích máng cuốn ép	$\geq 1,2 \text{ m}^3$
4.5.2	- Vật liệu lòng máng	Vật liệu thép Hardox 450 giới hạn chảy: 1250 MPa hoặc tương đương dày 4-6 mm
4.5.3	- Vật liệu thành thân sau	-Thành trên làm bằng thép tấm Q235 hoặc tương đương dày 4mm -Thành dưới (thành máng cuốn) làm bằng Vật liệu thép Q355 hoặc tương đương dày 4 mm
4.5.4	- Vật liệu khung xương	Thép tấm Q235 hoặc tương đương dập hình dày 6-8mm

Thông số kỹ thuật		
TT	Hạng mục	Mô tả
4.5.5	- Vật liệu khung ray trượt cho cuộn ép	Thép tấm Q235 hoặc tương đương dập hình chịu mài mòn, độ bền cao, dày 6mm
4.6	Bộ lưỡi bàn cuộn ép	
4.6.1	- Vật liệu lợp lưỡi cuộn rác	Thép Perform 700 hoặc tương đương, dày 4 mm
4.6.2	- Vật liệu lợp bàn ép rác	Thép Perform 700 hoặc tương đương, dày 4 mm
4.6.3	- Vật liệu khung xương lưỡi cuộn+bàn ép	Thép tấm Q235 hoặc tương đương dập hình dày 4-6mm
4.7	Thùng chứa nước thải dưới máng cuộn ép rác	
4.7.1	- Dung tích	≥400 L
4.7.2	- Vật liệu	Vật liệu Inox 430 hoặc tương đương chịu mài mòn, chống gỉ, độ bền cao, dày 2 mm
4.7.3	- Cửa dọn rác	Có
4.8	Cơ cấu nạp rác	
4.8.1	- Cơ cấu nạp rác	Răng lược bộ càng gấp, thanh kẹp càng gấp đa năng, sử dụng gấp các loại thùng nhựa 240,400,660 lít, xe gom rác đẩy tay cùng model của công ty đổ rác vào máng cuộn.
4.8.2	- Kiểu vận hành	Điều khiển cơ tác động đơn thông qua tay điều khiển cơ khí phía đuôi xe.
4.8.3	- Góc lật	155°
4.8.4	- Tải trọng cạp rác tối đa	≥600 kg
4.8.5	- Thời gian nạp rác của 01 hành trình.	≤30s
4.8.6	- Cơ cấu tời kéo thùng	+ Thiết kế cho thùng xuống thể tích 9m ³ của Công ty + Sử dụng tời kép có hệ thống hộp giảm tốc đồng tốc + Dẫn động bằng motor thủy lực 100cc + Đường kính cáp tời: ≥14mm + Khả năng kéo: ≥8 tấn + Trang bị 2 chân chống thủy lực trong quá trình kéo thùng. + Đuôi xe trang bị 2 tai để cài móc thùng xuống.

Thông số kỹ thuật

TT	Hạng mục	Mô tả
		+ Có ghi rõ trong Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường ô tô sản xuất, lắp ráp của Cục Đăng kiểm Việt Nam.
5	Thủy lực và vận hành	
5.1	Cơ cấu xả rác	
5.1.1	Kiểu loại	Đẩy xả trực tiếp bằng bàn xả thông qua xy lanh xả nhiều tầng liên kết với bàn xả rác.
5.1.2	Vận hành	Điều khiển xy lanh thủy lực nhiều tầng tác động 2 chiều thông qua tay điều khiển cơ khí phía sau cabin xe hoặc thông qua nút bấm điều khiển trong Cabin.
5.1.3	Thời gian xả rác	≤60s
5.2	Bơm thủy lực	Bơm kép 2 tầng
5.2.1	Xuất xứ	ABER -Bò Đào Nha hoặc tương đương
5.2.2	Lưu lượng	104 cc+ 46 cc
5.2.3	Áp suất tối đa	250 kg/cm ²
5.2.4	Truyền động bơm	Trích công suất từ động cơ xe cơ sở: Bộ trích công suất (PTO) lắp tương thích với mặt bích hộp số, dẫn động qua trục truyền các đăng dẫn động bơm thủy lực
5.2.5	Số lượng	01 bơm kép
5.3	Van điều khiển	Sử dụng loại van phân phối điều khiển cơ và khí nén
5.3.1	Xuất xứ	Akon-Thổ Nhĩ Kỳ hoặc tương đương
5.3.2	Lưu lượng tối đa	≥120 lít/phút
5.3.3	Áp suất tối đa	≥315 kg/cm ²
5.4	Xylanh thủy lực bàn xả	
5.4.1	Xuất xứ	Linh kiện nhập khẩu từ Ý hoặc tương đương, lắp ráp tại Việt Nam
5.4.2	Kiểu loại	Xylanh nhiều tầng, tác động 2 chiều
5.4.3	Áp suất làm việc max	≥ 180 kg/cm ²
5.4.4	Số lượng	01 chiếc
5.5	Các loại xy lanh thủy lực khác	
5.5.1	Xuất xứ	Linh kiện nhập khẩu từ Ý hoặc tương đương, lắp ráp tại Việt Nam

Thông số kỹ thuật		
TT	Hạng mục	Mô tả
5.5.2	Kiểu loại	Xylanh 1 tầng, tác động 2 chiều
5.5.3	Áp suất làm việc max	$\geq 210 \text{ kg/cm}^2$
5.5.4	Xy lanh ép rác	02 chiếc, cán phi 55mm
5.5.5	Xy lanh cuộn	02 chiếc, cán phi 60mm
5.5.6	Xy lanh nâng thân sau	02 chiếc, cán phi 50mm
5.5.7	Xy lanh nạp rác	02 chiếc, cán phi 35mm
5.5.8	Xy lanh chân chống	02 chiếc, cán phi 40mm
5.6	Thùng dầu thủy lực	≥ 150 lít
5.7	Các thiết bị thủy lực phụ trợ	Lọc dầu, đồng hồ đo áp suất, nắp dầu, khóa đồng hồ, thước báo dầu, giắc co... được lắp ráp đầy đủ và có tiêu chuẩn của các nước G7.
5.8	Áp suất làm việc tối đa của hệ thống thủy lực	$\geq 180 \text{ kg/cm}^2$
5.9	Hệ thống điều khiển	
5.9.1	<i>Điều khiển bộ trích công suất (PTO)</i>	Điều khiển đóng ngắt bộ trích công suất thông qua hệ thống điện điều khiển khí nén, với công tắc điện được đặt trên bảng táp lô trong cabin điều khiển của xe. Thuận tiện để thao tác điều khiển.
5.9.2	<i>Điều khiển nạp rác</i>	Điều khiển bằng tay thông qua hệ thống tay điều khiển cơ khí, được bố trí phía bên phụ của xe. Càng gấp dùng gấp các loại thùng rác nhựa (240 – 660 lít) và xe gom rác đẩy tay cùng model của Công ty.
5.9.3	<i>Điều khiển cuộn ép</i>	Gồm 2 chế độ: - Điều khiển tự động bằng điện, có nút nhấn để điều khiển 2 chế độ: ép liên hoàn và ép từng chu kỳ. Bảng điều khiển được bố trí phía đuôi bên phụ. - Điều khiển bằng tay thông qua hệ thống tay điều khiển được bố trí phía đuôi xe bên phụ.
5.9.4	<i>Điều khiển xả rác</i>	Điều khiển bằng tay
5.9.5	<i>Điều khiển cáp tời nâng hạ thùng xuống</i>	Điều khiển bằng tay
5.9.6	<i>Điều khiển chân chống thủy lực</i>	Điều khiển bằng tay
5.10	Các trang thiết bị khác trên xe	

Thông số kỹ thuật		
TT	Hạng mục	Mô tả
5.10.1	Điều hòa nhiệt độ trên cabin	Có
5.10.2	Radio AM/FM USB – MP3 trong cabin:	Có
5.10.3	Bậc để chân và tay vịn 2 bên phía sau thân sau	Có
5.10.4	Bảo hiểm hông 2 bên thân xe	Có
5.10.5	Dè sau 2 bên đuôi xe	Có
5.10.6	Đèn quay tín hiệu cảnh báo trên nóc cabin và sau đuôi xe	Có
5.10.7	Đèn chiếu sáng vị trí công tác phía sau thân sau	Có
5.10.8	Bánh xe dự phòng	01 chiếc
5.10.9	Bộ dụng cụ đồ nghề tiêu chuẩn theo xe cơ sở	01 bộ
5.10.10	Thiết bị phun khử mùi khu vực máng cuốn	-Dàn béc phun bố trí phía trên máng cuốn. - 01 bình chứa hóa chất (Inox304) dung tích 20 lít. - Điều khiển bằng bơm điện 24V, sử dụng công tắc được bố trí gần tay điều khiển thân sau.
5.11	Công nghệ sơn	- Loại sơn Epoxy 2 thành phần hoặc tương đương - Kiểm tra & làm sạch bề mặt; - Sơn lót chống rỉ; - Bả matit và chà nhám khô có máy hút bụi; - Sơn lót; - Pha màu & phun sơn ; - Đánh bóng.
5.11.1	Màu sơn, trang trí	- Phần bao ngoài hệ thống chuyên dùng màu trắng, (hoặc tương đương) mã màu theo tiêu chuẩn màu CSS - Gầm thùng, sàn thùng: Sơn màu đen. - Hai bên thành thùng dán trang trí biểu ngữ, logo theo mẫu của Công ty.

1. Nội dung E-HSMT:

Nội dung E-HSMT gói thầu bao gồm các chương sau:

- + Chương II: Bảng dữ liệu đấu thầu
- + Chương III: Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT
- + Chương IV: Biểu mẫu mời thầu và dự thầu
- + Chương V: Yêu cầu về kỹ thuật
- + Chương VII: Điều kiện cụ thể của hợp đồng
- + Chương VIII: Biểu mẫu hợp đồng

(Chương I và chương VI, áp dụng mẫu chung trên hệ thống)

E-HSMT được lập phù hợp với mẫu Hồ sơ mời thầu ban hành theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia, tuân thủ các quy định của Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

2. Ý kiến bảo lưu của thành viên tổ chuyên gia: không

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Tổ chuyên gia thống nhất với các nội dung của hồ sơ mời thầu đã lập, kính đề nghị Bên mời thầu trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt E-HSMT gói thầu: Mua phương tiện thu gom vận chuyển rác.

Báo cáo này được lập bởi:

- Ông: Trần Phước Hải

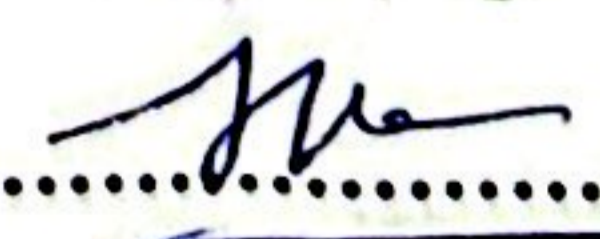
Chức vụ: Kỹ sư Xây dựng – Tổ trưởng:

.....

.....

- Ông: Lê Nguyễn Quang Duy

Chức vụ: Kỹ sư Xây dựng – Tổ viên

.....

.....